

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HSST
Ngày 24 tháng 3 năm 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Khuyên.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Moong Văn Bình;
Ông Dền Chá Xì.

- Thư ký phiên tòa: Ông Già Bá Lầu-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn tham gia phiên tòa: Ông Và Bá Cửa-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/TLST-HS, ngày 14 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* **Kha Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18 tháng 3 năm 1988 tại xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kha May T và bà Vi Thị T; có vợ là Lữ Thị M và 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2020 cho đến nay. Có mặt.

2. *Họ và tên:* **Lữ Văn K**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 4 năm 1973 tại xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản K2, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn Kh (đã chết) và bà Vi Thị T; có vợ là Kha Thị T (đã chết), không có con đẻ; có 02 con nuôi, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2020 cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Lê Công Thiết-Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Kha Văn P, sinh năm

1992; trú tại: Bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Lữ Thị M; sinh năm 1981; trú tại: Bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người chứng kiến: Anh Hoàng Văn H; sinh năm 1980; trú tại: Bản P, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 30/7/2020, K đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Kha May T, sinh năm 1963, trú tại bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An nói K đi sang nhà cùng con trai của T đi mua ma túy, T sẽ trừ nợ số tiền mà K đang nợ T, nghe vậy K đồng ý. Sau đó K đi ra đường đi nhờ xe một người đàn ông không quen biết đi đến bản K3 rồi xuống xe đi bộ đến nhà T, khi đến nhà T, K thấy T và con trai của T tên là Kha Văn T đang ở trong nhà. Sau đó, thấy Kha May T lấy một cục tiền đưa cho Kha Văn T và nói “Đây là 14.000.000đồng (mười bốn triệu), con cầm tý chờ anh K ra ngoài lấy hàng đưa về cho bố” (nghĩa cầm 14.000.000đồng (mười bốn triệu) tý chờ anh K ra ngoài mua ma túy đưa về cho bố), Kha Văn T cầm cục tiền cất vào túi áo ngực bên trái. Kha May T nói K lấy điện thoại gọi cho một người đàn ông dân tộc Mông hỏi mua ma túy thì người đàn ông dân tộc Mông hẹn đến khu vực khe lới thuộc địa phận bản P, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An để nhận ma túy.

Kha Văn T lấy chiếc xe máy của em trai tên là Kha Văn P, sinh năm 1992, trú tại bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An điều khiển chở K đến khu vực bản P, xã P, huyện K. Đến nơi, T dừng xe lại dựng xe vào bên đường, K gọi điện lại cho người đàn ông dân tộc Mông thì người đàn ông dân tộc Mông nói “Đi xuống khu vực khe lới phía dưới Thủy điện C lấy ma túy”, rồi cả hai đi bộ xuống đến bờ khe lới thuộc địa phận bản Piêng Phô, xã P, huyện K, K nói với T là “Lấy tiền ra kiểm tra xem có đủ 14.000.000đồng (mười bốn triệu) không”, T lấy cục tiền ra đếm thì thấy thiếu 50.000đồng (năm mươi nghìn) nên T lấy 50.000đồng (năm mươi nghìn) của T bỏ vào cho đủ 14.000.000đồng (mười bốn triệu) và đưa toàn bộ số tiền đó cho K đi mua ma túy, còn T đứng ở bờ khe lới chờ. Lữ Văn K đi bộ dọc khe lới xuống khoảng 50 mét thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết, K cầm cục tiền đưa cho người đàn ông dân tộc Mông, người đàn ông đó cầm tiền kiểm tra đủ 14.000.000đồng (mười bốn triệu) rồi lấy 01 (một) bao potylen màu đen, bên trong có 04 (bốn) bao potylen màu xanh, mỗi bao có chứa nhiều viên ma túy tổng hợp và 01 (một) bao potylen màu hồng, bên trong có chứa nhiều viên ma túy tổng hợp đưa cho K. Mua được ma túy, K cầm số ma túy vừa mua được đi bộ

quay về gặp T và nói “Đã mua được hàng rồi” (nghĩa là đã mua được ma túy rồi) và đưa toàn bộ số ma túy vừa mua được cho T, T cầm lấy và cất giấu vào túi áo ngực bên trái rồi T và K đi bộ về đến nơi để xe máy, T điều khiển xe máy chở K quay về nhà. Đến khoảng 11 giờ ngày 30/7/2020, khi cả hai đi về đến ngã ba đường xuống nhà máy Thủy điện C thuộc địa phận bản P, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An thì bị tổ công tác Công an huyện Kỳ Sơn phối hợp với Ban Công an xã N, Ban Công an xã P và Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế Nậm Cắn phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số tang vật trên.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong lại của cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn lập vào hồi 17 giờ ngày 30/7/2020 đã xác định:

Số viên nén màu hồng (nghĩ là ma túy) trong bao potylen màu xanh thứ nhất sau khi loại bỏ bao bì có tổng khối lượng 19,5 gam (mười chín phẩy năm), ký hiệu là vật chứng số 01.

Số viên nén màu hồng (nghĩ là ma túy) trong bao potylen màu xanh thứ hai sau khi loại bỏ bao bì có tổng khối lượng 21,3 gam (hai một phẩy ba), ký hiệu là vật chứng số 02.

Số viên nén màu hồng (nghĩ là ma túy) trong bao potylen màu xanh thứ ba sau khi loại bỏ bao bì có tổng khối lượng 18,5 gam (mười tám phẩy năm), ký hiệu là vật chứng số 03.

Số viên nén màu hồng (nghĩ là ma túy) trong bao potylen màu xanh thứ tư sau khi loại bỏ bao bì có tổng khối lượng 20 gam (hai mươi), ký hiệu là vật chứng số 04.

Số viên nén màu hồng (nghĩ là ma túy) trong bao potylen màu hồng sau khi loại bỏ bao bì có tổng khối lượng 19 gam (mười chín), ký hiệu là vật chứng số 05.

Tổng khối lượng của các vật chứng số 01, 02, 03, 04 và 05 thu giữ của đối tượng Kha Văn T, Lữ Văn K là 98,3 gam (chín mươi tám phẩy ba).

Tại kết luận giám định số 1108/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 03/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An đã kết luận:

Các mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu từ M1 đến M5) thu giữ của Kha Văn T và Lữ Văn K gửi tới giám định đều là ma túy (Methamphetamine).

Về vật chứng của vụ án:

Số ma túy (Methamphetamine) là các vật chứng số 01, 02, 03, 04 và 05 còn lại có tổng khối lượng 93,3 gam (chín mươi ba phẩy ba) cùng vỏ giấy niêm phong ban đầu đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An bảo quản theo quy định.

Đối với 02 (hai) chiếc điện thoại: 01 (một) chiếc nhãn hiệu Masstel, loại Masstel izi 206, màu xanh, số IMEI: 358414101589282, điện thoại đã qua sử dụng

và 01 (một) chiếc nhãn hiệu Huawei, loại MRD-LX2, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An bảo quản theo quy định.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 37K1-048.50, số máy: 5C6K-076774, số khung: 0DY-076758, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định được đây là xe của anh Kha Văn P, sinh năm 1992, trú tại bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An. Kha Văn T lấy xe máy chở Lữ Văn K đi mua ma túy anh P không biết hành vi này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn đã trả xe máy lại cho chủ sở hữu anh Kha Văn P.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-KS ngày 11/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An truy tố **Kha Văn T và Lữ Văn K** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Kha Văn T và Lữ Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Kha Văn T mức án từ 14 (Mười bốn) năm đến 15 (Mười lăm) năm tù; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lữ Văn K mức án từ 13 (Mười ba) năm đến 14 (Mười bốn) năm tù; về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo; về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy (Methamphetamine) là vật chứng còn lại có tổng khối lượng 93,3 gam (chín mươi ba phẩy ba) và vỏ giấy niêm phong ban đầu; tịch thu 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, loại Masstel izi 206, màu xanh, số IMEI: 358414101589282, điện thoại đã qua sử dụng của Lữ Văn K là công cụ, phương tiện phạm tội để bán hóa giá nộp ngân sách Nhà nước; Trả lại 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei, loại MRD-LX2, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng của Kha Văn T do không liên quan đến việc phạm tội; về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Kha Văn T và Lữ Văn K** đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có tranh luận gì.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ dân trí thấp, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định pháp luật.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người chứng kiến. Do sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo Kha Văn T và Lữ Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ ngày 30/7/2020, tại khu vực bản P, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An, Kha Văn T và Lữ Văn K đang có hành vi tàng trữ trái phép 05 (năm) bao potylen ma túy (Methamphetamine) có tổng khối lượng 98,3 gam (chín mươi tám phẩy ba) với mục đích đưa về cho Kha May T, sinh năm 1963, trú tại bản K3, xã P, huyện K (là bố của Kha Văn T) thì bị phát hiện bắt, quả tang.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy, mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

2.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

a).....

b) Methamphetamine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; Nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại chất gây nghiện. Khi phạm tội các bị cáo

cũng nhận thức được ma túy là chất gây nghiện bị Nhà nước cấm vì ma túy gây tác hại xấu đến đời sống kinh tế xã hội cũng như sức khỏe của con người và cũng làm mờ mịt phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật để tàng trữ trái phép làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, hành vi đó phải được xử lý nghiêm minh, cần tuyên phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới đủ điều kiện để vừa tiếp tục cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo vừa răn đe phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm nên phải phân hóa hành vi của mỗi bị cáo để lên cho mỗi bị cáo một mức án phù hợp với tính chất vai trò của từng bị cáo. Trong vụ án này các bị cáo khai nhận tàng trữ ma túy với mục đích đưa về cho Kha May T, sinh năm 1963, trú tại bản K3, xã P, huyện K (là bố của Kha Văn T). Vì vậy, Kha May T phải chịu trách nhiệm chính là người chủ mưu, đầu vụ. Tuy nhiên, Kha May T đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn đã ra quyết định truy nã và tách vụ án đối với Kha May T để tiếp tục điều tra, khi nào bắt được sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với bị cáo Kha Văn T và Lữ Văn K là người thực hành cùng nhau trực tiếp thực hiện tội phạm, Kha Văn T là người điều khiển xe máy để chở Lữ Văn K đi mua ma túy, cũng là người cầm tiền từ Kha May T và cất giấu ma túy trong người, ngoài ra T còn bỏ thêm 50.000đồng (năm mươi nghìn) cho đủ số tiền mà T đưa để mua ma túy, còn Lữ Văn K là người trực tiếp liên hệ và là người trực tiếp trao đổi mua ma túy với người đàn ông dân tộc Mông, nên cả hai bị cáo phải chịu trách nhiệm như nhau về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Kha Văn T và Lữ Văn K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xét thấy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập, không có công việc ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Trong vụ án này còn có người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho Lữ Văn K và Kha Văn T. Quá trình điều tra không xác định được danh tính cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Kha May T, sinh năm 1963, trú tại bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An là người đã đưa số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu) cho các bị cáo Lữ Văn K và Kha Văn T để đi mua ma túy về đưa cho Thăn, sau khi vụ án được phát hiện Kha May T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn đã ra quyết định truy nã và tách vụ án đối với Kha May T để tiếp tục điều tra,

khi nào bắt được sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

[7] Về xử lý vật chứng: Số ma túy (Methamphetamine) là vật chứng còn lại có tổng khối lượng 93,3 gam (chín mươi ba phẩy ba) và vỏ giấy niêm phong ban đầu, đây là vật Nhà nước cấm lưu hành, tàng trữ nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, loại Masstel izi 206, màu xanh, số IMEI: 358414101589282, điện thoại đã qua sử dụng của Lữ Văn K đây là công cụ bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần phải tịch thu để bán hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) chiếc nhãn hiệu Huawei, loại MRD-LX2, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng của Kha Văn T do không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Kha Văn T.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 37K1-048.50, số máy: 5C6K-076774, số khung: 0DY-076758, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định được đây là xe của anh Kha Văn P, sinh năm 1992, trú tại bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An. Kha Văn T lấy xe máy chở Lữ Văn K đi mua ma túy anh P không biết hành vi này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn đã trả xe máy lại cho chủ sở hữu anh Kha Văn P là đúng theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Kha Văn T và Lữ Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Kha Văn T 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 30/7/2020).

Xử phạt bị cáo Lữ Văn K 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 30/7/2020).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) phong bì màu trắng góc trái bên trên có dòng chữ “CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN, CÔNG AN HUYỆN KỲ SƠN”, đang niêm phong, dán kín, trên mép dán có đầy đủ chữ ký của hội đồng tham gia niêm phong và ghi tên của bị cáo **Kha Văn T và dấu điểm chỉ của Lữ Văn K**, bên trong chứa số ma túy (Methamphetamine) có khối lượng còn lại là 93,3

gam (Chín mươi ba phẩy ba) cùng vỏ giấy niêm phong ban đầu.

Tịch thu 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, loại Masstel izi 206, màu xanh, số IMEI: 358414101589282, điện thoại đã qua sử dụng của Lữ Văn K để bán hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Kha Văn T 01 (một) chiếc nhãn hiệu Huawei, loại MRD-LX2, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng.

(Đặc điểm, tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn tỉnh Nghệ An).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Kha Văn T và Lữ Văn K mỗi người** phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/3/2021); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Kỳ Sơn;
- CQTHAHS huyện Kỳ Sơn;
- CCTHADS huyện Kỳ Sơn;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vi Thị Khuyên